

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2022/DS-ST

Ngày: 22 - 6 - 2022

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Nam.
2. Bà Trần Thanh Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

Ngày 22 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 108/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 179/2022/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng T (Sacombank). Địa chỉ trụ sở: Số 266-268, đường N, phường V, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà Nguyễn Đức Thạch D. Là người đại diện theo pháp luật (Tổng giám đốc).
- Ông Trần Minh S. Giám đốc Sacombank Chi nhánh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền số 3161/2021/QĐ-PL ngày 27/12/2021 của Tổng Giám đốc.
- Ông Nguyễn Văn B. Phó phòng giao dịch Phú Hòa – Chi nhánh An Giang. Là người đại diện theo ủy quyền. Văn bản ủy quyền ngày 11/03/2022 của Giám đốc Sacombank Chi nhánh An Giang; có Đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn B1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số 955/9, tổ 8, ấp H, xã K, thành phố L, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 11/3/2022 của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn T, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông B trình bày:

Ngày 24/6/2019, ông B1 có vay của Sacombank – Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch H1 số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) theo Giấy đề nghị vay vốn cùng ngày 24/6/2019 của ông B1. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ, số 01161-00352, ngày 02/7/2019 được ký kết giữa đại diện hợp pháp của Ngân hàng T - Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch H1 với ông B1 nên vào ngày 02/7/2019, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông B1 vay số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); mục đích vay: Bán quần áo; thời hạn vay 366 ngày; lãi suất 24%/năm; phương thức trả nợ: vốn, lãi hàng ngày.

Sau khi vay, ông B1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng T được số tiền 31.482.400 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng*) thì ngưng, không tiếp tục thanh toán lãi cũng như thanh toán vốn mặc cho Sacombank nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện để ông B1 trả nợ. Do đó, vào ngày 11/3/2022, Ngân hàng T có Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố L yêu cầu ông B1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tổng số tiền là 18.143.800 đồng (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng*).

Bị đơn của vụ án là ông B1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập ông B1 đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai; triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng ông B1 vẫn vắng mặt, không rõ lý do.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm,

- Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T là ông B có Đơn xin xét xử vắng mặt đề ngày 20/6/2022; trong Đơn xin xét xử vắng mặt; Ngân hàng T vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày tại Đơn khởi kiện ngày 11/3/2022; yêu cầu Tòa án buộc ông B1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tổng số tiền vốn và lãi đến ngày 22/6/2022 là 18.143.800 đồng (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng*); trong đó tiền vốn là 11.027.100 đồng; tiền lãi là 7.116.700 đồng; đối với lãi phát sinh Ngân hàng T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn là ông B1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông B1 phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay còn nợ theo Hợp

đồng tín dụng đã ký kết giữa Sacombank với ông B1; bị đơn ông B1 không có đăng ký kinh doanh nên quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp Hợp đồng tín dụng*” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Ông B1 với tư cách là bị đơn của vụ án có nơi cư trú tại số 955/9, tổ 8, ấp H, xã K, thành phố L, tỉnh An Giang nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh An Giang.

[1.3] Bị đơn của vụ án là ông B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[1.4] Người đại diện hợp pháp của Sacombank là ông B có yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông B là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 228 BLTTDS;

[2] Về nội dung:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án mà nguyên đơn là Ngân hàng T cung cấp; căn cứ vào lời trình bày của người đại diện hợp pháp của Ngân hàng T là ông B trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án; cho thấy, vào ngày 24/6/2019, ông B1 có vay của Ngân hàng T – Chi nhánh An Giang – Phòng Giao dịch H1 số tiền 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*) theo Giấy đề nghị vay vốn cùng ngày 24/6/2019 mà ông B1 đã ký. Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng kèm giấy nhận nợ số 01161-00352, ngày 02/7/2019 được ký kết giữa đại diện hợp pháp của Sacombank với ông B1 nên vào ngày 02/7/2019, Ngân hàng T đã giải ngân cho ông B1 vay số tiền là 40.000.000 đồng (*Bốn mươi triệu đồng*); mục đích vay: Bán quần áo; thời hạn vay 366 ngày; lãi suất 24%/năm; phương thức trả nợ: Vốn, lãi hàng ngày.

Sau khi vay, ông B1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng T được số tiền 31.482.400 đồng (*Ba mươi một triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm đồng*) thì ngưng, không tiếp tục thanh toán lãi cũng như thanh toán vốn mặc cho Ngân hàng T nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở tạo điều kiện để ông B1 trả nợ. Do đó, vào ngày 11/3/2022, Ngân hàng T có Đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố L yêu cầu Tòa án buộc ông B1 phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T – Chi nhánh A đại diện nhận) tổng số tiền vốn và lãi là 18.143.800 đồng (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng*); trong đó tiền vốn là 11.027.100 đồng (*Mười một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm đồng*); tiền lãi là 7.116.700 đồng (*Bảy triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng*).

Theo quy định tại khoản 1 Điều 91 của BLTTDS thì: “*Đương sự có yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp*”. Đối chiếu với quy định này thì Ngân hàng T đã thực hiện đầy đủ nghĩa

vụ chứng minh của mình. Ngược lại, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn là ông B1 vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không tham dự phiên tòa; không cung cấp bất kỳ tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 91 BLTTDS. Như vậy, đã có căn cứ xác định Hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ số 01161-00352, ngày 02/7/2019 của Ngân hàng T mà ông B1 với đại diện hợp pháp của Ngân hàng T ký kết là có thật; hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Tuy nhiên, do ông B1 không thực hiện đúng thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng T khởi kiện yêu cầu ông B1 phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng T tổng số tiền vốn và lãi còn lại theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng T với số tiền là 18.143.800 đồng (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng*); trong đó tiền vốn là 11.027.100 đồng (*Mười một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm đồng*); tiền lãi là 7.116.700 đồng (*Bảy triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng*) là phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với lãi phát sinh do Ngân hàng T không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì:

Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T được chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001152, ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Ông B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ trả nợ là 18.143.800 đồng x 5% = 907.190 đồng, làm tròn 907.000 đồng (*Chín trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 14, khoản 16 Điều 4; khoản 2 Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng T.

Buộc bị đơn là ông Trần Văn B1 phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh An Giang) đại diện nhận tổng số tiền cả vốn lẫn lãi tính đến ngày 22/6/2022 là 18.143.800 đồng (*Mười tám triệu một trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng*); trong đó tiền vốn là 11.027.100 đồng (*Mười một triệu không trăm hai mươi bảy nghìn một trăm đồng*); tiền lãi là 7.116.700 đồng (*Bảy triệu một trăm mười sáu nghìn bảy trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí:

Ông Trần Văn B1 phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 907.000 đồng (*Chín trăm lẻ bảy nghìn đồng*).

Ngân hàng T không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng T (do Ngân hàng T - Chi nhánh A đại diện nhận) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 450.000 đồng (*Bốn trăm năm mươi nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001152, ngày 07/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND Tp. L;
- Chi cục THA DS Tp. L;
- Các đương sự;
- Lưu VT và Hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Xuân Thu

